

Bản án số: 22/2023/HS-PT

Ngày: 21-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đình Phước Hòa**

Các thẩm phán: ông **Lê Phước Thanh**

ông **Trần Quốc Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi), xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thị Mỹ L; sinh ngày 27/10/1984, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nguyên là nhân viên Nhà máy gạch Tuynel P thuộc Công ty CP xây lắp và cơ khí A; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tăng T (Chết) và bà Đỗ Thị Kim C; có chồng là Huỳnh Ngọc M và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2021 cho đến nay;

- *Người bị hại có kháng cáo:*

Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1983; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- *Người bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Mộng Q, sinh năm 1982;
Trú tại: Tổ dân phố 3, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
2. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1966;
Trú tại: Số 560 đường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1951;
Trú tại: Tổ dân phố 4, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
2. Bà Phạm Thị Thúy T, sinh năm 1984;
Trú tại: Tổ dân phố 3, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xử
vắng mặt
3. Ông Võ Minh C, sinh năm 1972;
Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
4. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1978;
Trú tại: thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
5. Ông Đinh Quốc K, sinh năm 1980;
Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
6. Ông Mai Hưng T, sinh năm 1984.
Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
7. Ông Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1981;
Trú tại: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ đồng nghiệp với nhau tại Công ty Cổ phần cơ khí và xây lắp A nên vào khoảng giữa tháng 9/2019, Nguyễn Thị Mỹ L đặt vấn đề vay tiền của bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1983, trú tỉnh Quảng Ngãi. Ban đầu, L đưa ra mục đích vay để đáo hạn ngân hàng với số tiền 350.000.000 đồng, bà T tin tưởng nên ngày 23/9/2019 đã 02 lần chuyển tiền cho L vay với số tiền 350.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn trả đến ngày 27/9/2019, sau khi vay tiền L viết “*Giấy mượn tiền*” có nội dung thể hiện mượn số tiền 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng (Bút lục 832).

Đến ngày 27/9/2019, L tiếp tục đặt vấn đề vay tiền của bà T với số tiền 01 tỷ đồng với mục đích trừ gạch bán kiểm lời và nói bà T đưa thêm 650.000.000 đồng, cộng với số tiền 350.000.000 đồng vay lần trước là đủ 01 tỷ đồng. Bà T đồng ý, nên từ ngày 27/9/2019 đến ngày 10/10/2019, bà T 04 lần chuyển tiền cho L vay với số tiền 646.500.000 đồng (vì bà T đã trừ số tiền lãi 3.500.000 đồng, của khoản vay 350.000.000 đồng). Khi vay số tiền trên thì hai bên thỏa thuận lãi suất

vay là 25.000 đồng/triệu/tháng và hai bên đã soạn thảo và ký “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” thể hiện L vay số tiền 01 tỷ đồng để mua gạch 6 lỗ TTA1, thời hạn vay từ ngày 26/9/2019 đến ngày 26/3/2020.

Sau đó L tiếp tục đặt vấn đề vay của bà T số tiền 600.000.000 đồng để mua gạch thẻ đặc của Nhà máy gạch Tuynel P trừ bán kiếm lời. Để tạo sự tin tưởng, L đã đưa cho bà T “*Hợp đồng đại lý*” số 37/HĐNM ngày 20/9/2019, có chữ ký của L với ông Võ Minh C - Giám đốc và đóng dấu Nhà máy gạch Tuynel P nên ngày 17/10/2019 bà T đã đưa cho L vay số tiền 600.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 25.000 đồng/triệu/tháng, thời hạn trả đến ngày 26/3/2020. Sau khi đưa tiền, bà T đưa tờ “*Hợp đồng cá nhân vay tiền*” mà L đã viết khi vay số tiền 01 tỷ đồng để L sửa lại thành số tiền vay là 1,6 tỷ đồng (Bút lục 830). Ngày 24/10/2019 L đã chuyển trả tiền lãi vay chót đến ngày 26/10/2019 cho bà T với số tiền 27.460.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 04/11/2019 đến đầu tháng 10/2020 thông qua mạng xã hội Zalo, L nhiều lần điện thoại và nhắn tin với bà T nhờ bà T vay tiền giúp với các lý do: để trừ gạch bán kiếm lời; để làm đảo hạn ngân hàng cho khách hàng; cho chị dâu, cho dì ruột, cho anh C giám đốc nhà máy gạch, cho cấp dưới của chồng (Đang làm ở Thị đội Đ) và các môi tàu thuyền do bên ngân hàng giới thiệu (Tất cả đều thể hiện trong nội dung tin nhắn). Trước khi vay tiền bà T có nói với L là họ lấy lãi 2.000 đồng/triệu/ngày thì L nói sẽ trả cho T là 3.000 đồng/triệu/ngày, còn nếu khoản vay nào bà T nói họ lấy 3.000 đồng/triệu/ngày thì L nói sẽ trả cho bà T 4.000 đồng/triệu/ngày. Nghe L nói như vậy, bà T đồng ý vay giúp cho L nên trong khoảng thời gian từ ngày 04/11/2019 đến đầu tháng 10/2020 bà T đã nhiều lần chuyển tiền cho L vay với tổng số tiền là 35.916.160.000 đồng và số tiền 5.722.671.000 đồng là tiền lãi vay L chưa trả cho bà T, L và bà T thống nhất cộng dồn vào tiền gốc. Trong thời gian này L đã trả tiền gốc vay với số tiền 12.775.000.000 đồng và tiền lãi vay là 7.591.660.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 23/9/2019 đến ngày 02/10/2020 L đã vay với tổng số tiền là: $1.600.000.000 + 35.916.160.000 + 5.722.671.000 = 43.238.831.000$ đồng (Trong đó tiền gốc thực tế L đã nhận là 37.512.660.000 đồng, tiền lãi chuyển qua gốc là 5.726.171.000 đồng), số tiền L đã trả là: $(27.460.000 \text{ đồng} + 12.775.000.000 \text{ đồng} + 7.591.660.000 \text{ đồng}) = 20.394.120.000$ đồng (Bao gồm cả tiền gốc và lãi vay, trong đó tiền gốc vay là 12.775.000.000 đồng, tiền lãi vay là 7.619.120.000 đồng), số tiền hiện nay L chiếm đoạt của bà T là: $43.238.831.000 \text{ đồng} - 20.394.120.000 \text{ đồng} = 22.844.711.000 \text{ đồng}$. L và bà T đã xác nhận số tiền trên là đúng, tất cả đều giao dịch thông qua tài khoản ngân hàng, chỉ có 02 lần bà T đưa tiền mặt cho L với tổng số tiền 850.000.000 đồng và 01 lần L trả tiền mặt cho T với số tiền 170.000.000 đồng.

Bị cáo L khai nhận: Số tiền vay 01 tỷ đồng mà L nói với T để trừ gạch thì L đã sử dụng để trả tiền lãi vay cho bà Phạm Thị Thúy T khoảng 600.000.000 đồng, còn lại khoảng 400.000.000 đồng L bù vào gạch còn thiếu của Nhà máy. Khi vay tiền L có đưa cho T 01 hợp đồng số 37/HĐNM ngày 20/9/2019 giữa Nhà

máy gạch Tuynel P với Nguyễn Thị Mỹ L theo sự chỉ đạo miệng của ông Võ Minh C - Giám đốc để T tin tưởng đưa tiền cho L vay. Tất cả số tiền còn lại, khi vay tiền L nói với T là “mua gạch của Nhà máy để trữ qua tết bán kiếm lời, làm đảo hạn ngân hàng cho khách hàng”, nhưng thực tế L đã sử dụng để trả tiền gốc, lãi vay cho các trường hợp mà L đã vay trước đó, trả một phần gốc, lãi cho T và nộp tiền vào Nhà máy để bù vào gạch còn thiếu hụt, nhưng L không xác định được số tiền đã nộp là bao nhiêu. Trước khi vay tiền của T, L đã vay nợ của rất nhiều người như bà Phạm Thị Thúy T, Lê Thị Ngọc A, Công ty tài chính A, P, Ngân hàng A.

Đối chiếu nội dung tin nhắn đã trích xuất cuộc trò chuyện giữa chủ tài khoản có tên “*Thanh T*” (Huỳnh Thị Thanh T) với chủ tài khoản có tên “*L P*” (Nguyễn Thị Mỹ L), trong khoảng thời gian từ ngày 24/9/2019 đến 13/11/2020 và Bản kết luận giám định số 862/KLGD-PC09 ngày 07/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh (Bút lục 723-821), thì số tiền bà T đưa tiền mặt, chuyển khoản theo các “*giấy mượn tiền*”, đã thể hiện việc L vay của bà T để trả nợ cho những người L đã vay trước đó, rồi lại vay tiền của những người này trả một phần gốc và lãi vay cho T (Vay, trả xoay vòng) nhằm tạo niềm tin để tiếp tục vay tiền của bà T.

Xác minh tại phòng giao dịch Trà Cầu ngân hàng A Đ, phòng giao dịch V Đ và phòng giao dịch BIDV Đ xác định L không có liên hệ hay mối quan hệ gì với các phòng giao dịch để làm đảo hạn ngân hàng cho khách hàng của phòng giao dịch (Bút lục 906 - 908).

Xác minh tại Công ty Cổ phần xây lắp và cơ khí A và làm việc với ông Võ Minh C Giám đốc Nhà máy gạch Tuynel P (Bút lục 849-851, 858 - 865, 1001 - 1004) được biết: Từ trước đến nay Nhà máy không ký hợp đồng đại lý với Nguyễn Thị Mỹ L và ông C không chỉ đạo cho L làm Hợp đồng số 37/HĐNM ngày 20/9/2019 để vay tiền của bà T. Nhà máy không có sự thiếu hụt gạch số lượng lớn như L đã khai; việc thiếu hụt gạch là trách nhiệm của Thủ kho chứ không phải trách nhiệm của L (Bút lục 964 - 977, 1025 - 1034). Hàng năm Công ty tiến hành kiểm kê hoạt động của các Nhà máy (Kiểm kê kho và sổ sách, chứng từ), kết quả: Năm 2018: Gạch 6 lỗ T/trường A1 thiếu 1.438 viên; gạch thẻ đặc thiếu 31 viên; gạch 2 lỗ TD thiếu 02 viên (Giá khoảng 1000 đồng/viên) (Bút lục 860); Năm 2019: Không thiếu hụt gạch (Bút lục 861); Năm 2020: Gạch 6 lỗ T/trường A1 thiếu 94.017 viên (Bút lục 862).

Quá trình điều tra, bà T đã giao nộp Hợp đồng đại lý số 37/HĐNM và các giấy tờ thể hiện số tiền L vay của bà T,

Tại Bản kết luận giám định số 861/KLGD-PC09, ngày 07/12/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận: (Bút lục 835, 836):

+ Hình dấu tròn có nội dung: “Nhà máy gạch Tuynel P Công ty Cổ phần cơ khí và xây lắp A” dưới cột mục “Đại diện bên A” và hình dấu giáp lai ở mép phải trên trang 1 và trang 2 của “Hợp đồng đại lý” số 37/HĐNM, đề ngày 20/9/2019

(ký hiệu A1) với hình dấu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hai hình dấu giáp lai ở mép phải trên trang 1 và trang 2 của “Hợp đồng đại lý” số 37/HĐNM, đề ngày 20/9/2019 (ký hiệu A1) là không trùng khớp của một lần đóng dấu.

+ Chữ ký đứng tên Võ Minh C dưới cột mục “Đại diện bên A” trên “Hợp đồng đại lý” số 37/HĐNM, đề ngày 20/9/2019 (ký hiệu A1) là bản photocopy nên không giám định truy nguyên đồng nhất.

+ Chữ ký, chữ viết “Ng Thị Mỹ L” dưới cột mục “Đại diện bên B” trên “Hợp đồng đại lý” số 37/HĐNM, đề ngày 20/9/2019 (ký hiệu A1); chữ viết, chữ ký (trừ chữ ký, chữ viết Huỳnh Thị Thanh T” dưới cột mục “Đại diện bên A” trên “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 26/9/2019 (ký hiệu A3); chữ viết, chữ ký (kể cả chữ viết, chữ ký ở mặt sau) trên “Giấy xác nhận và cam kết trả nợ” đề ngày 30/9/2020 (ký hiệu A4) với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Mỹ L trên tài liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản tự khai” đề ngày 09/11/2020 (ký hiệu M1) là do cùng một người ký, viết ra.

Do đó, lời khai của L về số lượng gạch của Nhà máy bị thiếu hụt và ông Võ Minh C chỉ đạo đi vay tiền của bà T là không có cơ sở.

Với tài liệu chứng cứ thu thập được cho thấy bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L không sử dụng số tiền vay để đầu tư, kinh doanh phát sinh lợi nhuận mà chỉ lấy các khoản vay sau để trả gốc, lãi cho các khoản vay trước nên khi vay tiền, bản thân L biết không có khả năng trả lại tiền cho bà T nhưng vẫn đưa ra nhiều thông tin gian dối, không đúng sự thật và chủ động đưa ra mức lãi suất cao để T tin tưởng đưa tiền rồi chiếm đoạt với tổng số tiền là 22.844.711.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Mộng Q, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố 3, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1966, trú tại 560 đường N, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1978 trú tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi gửi đơn tố cáo Nguyễn Thị Mỹ L chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Đối với bà Nguyễn Thị Mộng Q (Bút lục 943-951): Thông qua mối quan hệ hàng xóm với nhau và trước đây L cũng thường xuyên vay mượn tiền của bà Q nên vào ngày 07/6/2020 L chủ động đến nhà bà Q để vay tiền, L nói mục đích vay là để mua đất nhưng không đủ tiền, hứa vài ngày sau làm sổ sẽ đi vay và trả lại tiền. Bà Q tin tưởng nên đã đưa tiền mặt cho L vay số tiền 300.000.000 đồng, số tiền này L đã trả cho bà Q 100.000.000 đồng, số tiền còn lại hiện nay L vẫn chưa trả cho bà Q. Đối với khoản vay này, L khai: Hiện nay chưa trả cho bà Q là 200.000.000 đồng, số tiền này L đã sử dụng để trả nợ cho người khác, nhưng không nhớ trả cho ai, L không sử dụng đúng mục đích như L đã nói với bà Q vì thời điểm đó L đã mất khả năng trả. Quá trình điều tra, bà Q đã giao nộp giấy tờ thể hiện số tiền, thời gian L đã vay của bà Q. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định, tại Kết luận giám định số 953/KLGĐ-PC09, ngày 17/11/2021 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận: ... Các chữ viết trên tài liệu cần giám định có đầu đề “*Giấy mượn tiền*” (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh “*Bản tự khai*” ghi tên Người khai Nguyễn Thị Mỹ L đề ngày 09/11/2020 và ngày 05/01/2021 (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết, ký ra (Bút lục 845); về mức lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, L và bà Q không đưa ra được các tài liệu nào chứng minh về việc thỏa thuận mức lãi và số tiền lãi cụ thể đã trả là bao nhiêu. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất về nội dung này, nhưng L và bà Q vẫn giữ nguyên lời khai.

Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có cơ sở xác định bị cáo L đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của bà Q số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, bị cáo L đã sử dụng để trả nợ cho người khác, nhưng không nhớ đã trả cho ai.

- Đối với bà Trần Thị Kim C (Bút lục 931-942): Thông qua mối quan hệ quen biết, vào ngày 02/10/2020 L chủ động đến Cửa hàng văn phòng phẩm của bà Trần Thị Kim C hỏi mượn số tiền 300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hứa 02 ngày sau sẽ trả lại tiền, nhưng bà C chỉ có 200.000.000 đồng nên đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 200.000.000 đồng, sau khi nhận tiền L đã viết vào sổ của bà C thể hiện L có mượn của bà C số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó 02 ngày L đã bỏ đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc, đến nay vẫn chưa trả lại số tiền trên cho bà C. L khai: Thời điểm mượn tiền của bà C thì bản thân đã mất khả năng trả nợ, nhưng do bị nhiều người đòi nợ nên đã nói dối với bà C là mượn tiền để đáo hạn ngân hàng nhằm làm cho bà C tin tưởng đưa tiền cho mượn, số tiền này L đã sử dụng để trả nợ cho người khác nên hiện nay chưa trả cho bà C (Bút lục 1170-1173). Quá trình điều tra, bà C đã giao nộp giấy tờ thể hiện số tiền L đã mượn của bà. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định, tại Kết luận giám định số 953/KLGD-PC09, ngày 17/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh, kết luận: Các chữ viết có nội dung “Ngày 2/10/2020 L mượn: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) Nguyễn Thị Mỹ L”, chữ ký đề tên Nguyễn Thị Mỹ L trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh “*Bản tự khai*” ghi tên người khai Nguyễn Thị Mỹ L đề ngày 09/11/2020 và ngày 05/01/2021 (Ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết, ký ra (Bút lục 845).

Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có cơ sở xác định bị cáo L đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của bà C số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, bị cáo L đã sử dụng để trả nợ cho người khác, nhưng không nhớ đã trả cho ai.

- Đối với bà Lê Thị Kim C (Bút lục 952-963):

Bà Lê Thị Kim C là khách hàng thường xuyên mua gạch của Nhà máy gạch Tuynel P thông qua L. Vào khoảng tháng 3 và tháng 4/2020, bà C đã đưa cho L với tổng số tiền 136.700.000 đồng, sau khi nhận tiền L đã đưa cho bà C 02 phiếu xuất kho sản phẩm hoàn thành số 155 ngày 30/3/2020, số lượng 74.000

viên gạch 6 lỗ TTA1 và số 258 ngày 09/4/2020, số lượng 50.000 viên gạch 6 lỗ TTA1. Đến khoảng tháng 10/2020 khi L đi khỏi nơi cư trú, bà C đem phiếu xuất kho trên đưa cho Nhà máy để xuất gạch thì Nhà máy kiểm tra và xác định phiếu xuất kho số 258 chưa nộp tiền 59.000.000 đồng vào Nhà máy, riêng phiếu xuất kho số 155 chỉ mới nộp vào Nhà máy số tiền 38.800.000 đồng, số tiền còn lại chưa nộp là 38.900.000 đồng nên Nhà máy chỉ xuất gạch theo số phiếu đã nộp tiền. Trong quá trình điều tra bổ sung, nhà máy gạch Tuynel P đã cung cấp các chứng từ như: Phiếu thu số PT0141 ngày 31/3/2020, Phiếu thu số PT0246 ngày 27/4/2020, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000700 ngày 30/3/2020, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001213 ngày 30/4/2020, Bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ theo số hóa đơn 0001213, Bảng kê thu tiền ngày 27/4/2020 thể hiện số tiền 131.700.000 đồng mà bị cáo L đã nhận của Lê Thị Kim C thì bị cáo đã nộp đầy đủ vào Nhà máy, Nhà máy hiện đã xuất gạch trả cho bà C và bà C có đơn không yêu cầu đối với Nguyễn Thị Mỹ L và Nhà máy gạch Tuynel P.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L tố giác vợ chồng ông bà Đinh Quốc K, Huỳnh Thị Thanh T có hành vi đe dọa giết người đối với gia đình của L và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên, qua xác minh xác định vợ chồng bà T, ông K không có hành vi đe dọa giết người như L đã tố giác (Bút lục 852 - 853, 1015 - 1017).

Đối với lãi suất vay: L và bà T đều xác nhận lãi suất vay ban đầu do bà T đưa ra là 2,5%/tháng và 2.000 đồng/triệu/ngày, còn các khoản vay khác T nói vay giúp cho L thì L tự đưa ra mức lãi suất 3.000 đồng đến 4.000 đồng/triệu/ngày để trả cho T, cụ thể: khi bà T nói đã vay của người khác 2.000 đồng/triệu/ngày thì L nói sẽ trả cho bà T là 3.000 đồng/triệu/ngày, còn nếu khoản vay nào bà T nói đã vay của người khác 3.000 đồng/triệu/ngày thì L nói sẽ trả cho bà T 4000 đồng/triệu/ngày (Bút lục 1170 - 1173). L và bà T chỉ xác định được tổng số tiền lãi vay đã nhận, đã trả chứ không xác định được cụ thể số tiền lãi vay đã nhận, đã trả của từng khoản vay. Với các tài liệu, chứng cứ đã nêu trên cho thấy: Việc thỏa thuận mức lãi suất trên là do L tự đưa ra với mức lãi suất cao, đây cũng là thủ đoạn của L nhằm mục đích để bà T vay tiền giúp L, đồng thời hiện nay L và bà T không xác định được cụ thể số tiền lãi vay đã nhận, đã trả của từng khoản vay nên chỉ tính mức lãi suất vay theo tổng số tiền gốc vay đã nhận và tiền lãi vay đã trả trong khoảng thời gian từ ngày 23/9/2019 đến ngày 02/10/2020 (374 ngày) cụ thể như sau: tổng số tiền gốc vay L đã nhận là 37.512.660.000 đồng; tổng số tiền lãi vay L đã trả là 7.619.120.000 đồng (Bút lục 1164 - 1165), nên mức lãi suất theo số tiền trên được tính như sau: $7.619.120.000 \text{ đồng} / 37.512.660.000 \text{ đồng} / 374 \text{ ngày} \times 30 \times 100\% = 1,63\%/\text{tháng} (=19,56\%/\text{năm})$, lãi suất này không vượt quá mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định. Vì vậy, không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Huỳnh Thị Thanh T về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Thông tin về tài sản của bị cáo gồm:

- Xác minh tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L tại một số ngân hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, xác định hiện nay tài khoản của L không có số dư.

- Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố, xác định vợ chồng L đứng tên một số thửa đất cụ thể:

+ Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 04, diện tích 167m² tại Phường N, thị xã Đ: Thửa đất này vợ chồng L được mẹ ruột L tặng cho. Ngày 14/9/2009 L đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam C nhánh Quảng Ngãi (Viettinbank) Phòng giao dịch Đ vay số tiền 800.000.000 đồng. Đến ngày 13/11/2020, L ủy quyền cho ông M chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 08/3/1951, trú tại TDP 4, Phường N, thị xã Đ với số tiền 1,1 tỷ đồng. Qua làm việc, L khai nhận số tiền này vợ chồng bà L đã trả cho Ngân hàng Viettinbank số tiền 810 triệu đồng, trả cho A số tiền khoảng hơn 20 triệu đồng, trả cho Công ty tài chính P số tiền khoảng 77 triệu đồng, trả cho ông Nguyễn Tăng Chí (A ruột L) số tiền 180 triệu đồng (Bút lục 503 - 507, 513, 994 - 995).

+ Thửa đất số 790, tờ bản đồ số 4, diện tích 202m² tại Phường N, thị xã Đ: Ngày 08/8/2019 vợ chồng L thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng A C nhánh Đ vay số tiền 600 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng. Đến ngày 12/8/2020 vợ chồng L đã đáo hạn theo Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-2020 tại Ngân hàng A C nhánh Đ (Ngôi nhà này hiện nay chồng và con của bị cáo L đang ở) (Bút lục 679 - 720).

+ Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: phường Phổ Quang, thị xã Đ, diện tích: 1.431m² BHK: Ngày 20/8/2020 L nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông Ngô Khuôn và bà Trần Thị Thanh Nga. Đến ngày 01/10/2020, vợ chồng L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tăng H, sinh ngày 15/7/1984, trú tại tổ dân phố 4, Phường N, thị xã Đ (Ông Nguyễn Tăng H không hợp tác làm việc nên chưa xác định được giá chuyển nhượng) (Bút lục 578 - 583).

+ Thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 40, diện tích 439,5m² tại xã P, thị xã Đ: Ngày 03/7/2020 L đã nhận chuyển nhượng thửa đất trên của vợ chồng ông Nguyễn Quang Tuyên, bà Huỳnh Thị Phú. Ngày 24/8/2020 đã thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng A C nhánh Đ vay số tiền 330 triệu đồng. Ngày 11/11/2020 L đã ủy quyền cho ông Huỳnh Ngọc M ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Kim Thùy, sinh ngày 11/4/1984, trú Phường N, thị xã Đ (Hiện nay bà Thùy không có mặt tại nơi cư trú nên không làm việc được). Thửa đất trên bà Thùy chưa đăng ký tại Phòng đăng ký đất đai C nhánh thị xã Đ, L vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 11/10/2021, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh kê biên đối với thửa đất này (Bút lục 532, 538 - 545, 699-720, 924 - 927).

Hiện nay L đang sở hữu 15.042 cổ phiếu (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) tại Công ty CP cơ khí và xây lắp A. Ngày 03/11/2021, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị tạm dừng việc chuyển nhượng số cổ phiếu trên (Bút lục 929).

Về dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Huỳnh Thị Thanh T số tiền: 22.844.711.000 đồng (Hai mươi hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn đồng);

- Nguyễn Thị Mộng Q số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

- Trần Thị Kim C số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

Đến nay bị cáo chưa khắc phục hậu quả đã gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST ngày 07/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

“[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 17 (Mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (30/9/2021).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 22.844.711.000 đồng (Hai mươi hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Mộng Q số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Kim C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/12/2022, bị hại chị Huỳnh Thị Thanh T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Bị hại chị Huỳnh Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm với lý do: Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ngãi không làm rõ lý do bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L lại vay mượn tiền của chị Lê Thị Ngọc A, Phạm Thị Thúy T, sau đó lấy tiền vay của chị T để trả cho các chị trên nên không có biện pháp thu hồi tài sản trả lại cho chị T; gia đình bị cáo cố tình chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tăng H, Nguyễn

Thị Kim Thùy và thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ là cố tình tẩu tán tài sản, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L thành khẩn nhận tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Dù cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2020, Nguyễn Thị Mỹ L đã có những thủ đoạn gian dối nói cần vay tiền với mức lãi suất cao để đáo hạn ngân hàng, mua đất, trữ gạch để kiếm lời... để các bị hại tin tưởng cho vay, từ đó chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Thanh T 22.844.711.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng Q 200.000.000 đồng, bà Trần Thị Kim C 200.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, bị cáo đã sử dụng không đúng mục đích như đã nói với các bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[1.1] Trong quá trình vay tiền chị T, bị cáo có đưa cho chị T “*Hợp đồng đại lý số 37/HĐNM*” ngày 20/9/2019, với nội dung: Nhà máy gạch Tuynel P bán cho Nguyễn Thị Mỹ L 2.050.000 viên gạch Tuynel với giá 2.020.000.000 đồng để chị T tin tưởng cho bị cáo vay 1.000.000.000 đồng. Theo kết luận giám định thì Hợp đồng nêu trên là giả mạo. Vì vậy, bị cáo L bị truy tố xét xử về tội “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[1.2] Bị cáo và các bị hại không có kháng cáo về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của chị Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu xác định thời điểm Nguyễn Thị Mỹ L vay tiền của bà Lê Thị Ngọc A, bà Phạm Thị Thúy T, vay tiền của bà Ngọc A, Thúy T để làm gì, vay bao nhiêu tiền để từ đó xem xét việc bị cáo với chị Ngọc A, Thúy T có thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại “*Biên bản ghi lời khai*” ngày 09/11/2020, bị cáo L khai: Trước khi tôi bắt đầu vay tiền của T thì tôi có đi vay tiền của chị Phạm Thị Thúy T, trú tại tổ dân phố 3, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tính đến thời điểm tôi bắt đầu vay tiền của T thì tôi còn nợ chị T khoảng 2 tỷ đồng (tiền gốc), sau khi vay tiền của T tôi có dùng để trả lãi cho chị T, sau đó tôi tiếp tục vay tiền của chị T để trả lãi cho T, **số tiền tôi vay của T chủ yếu dùng để trả lãi cho những số tiền tôi đã vay nóng**” (bl 1139)

[2.2] Tại “*Bản tự khai*” ngày 22/10/2021, bị cáo L khai: Hiện nay, ngoài chị T, tôi còn nợ chị Lê Thị Ngọc A số tiền 3,7 tỷ...chị T ở TDP3, phường N, thị xã Đ (theo lời chị T nói là tôi còn nợ chứ tôi không nhớ số tiền) (bl 1132)

[2.3] Tại “*Biên bản ghi lời khai*” ngày 04/3/2021, chị Phạm Thị Thúy T khai: “*Khoảng gần cuối năm 2018 (tôi không nhớ cụ thể thời gian)... Ban đầu khi nói tôi đưa tiền cho L vay để L đưa tiền cho chị họ mua đất, L nói là chị họ L mua bán đất ở ngoài Đà Nẵng có lời rất nhiều, nói tôi cho L vay để L đưa chị họ của L mua đất kiếm lời, L sẽ đưa tiền lãi cho tôi, ban đầu tôi chỉ đưa cho L vài trăm triệu để L đưa chị họ mua đất, nhưng thời điểm đó L đưa lại tiền cho tôi và tiền lãi rất nhanh nên tôi khá tin tưởng. Sau này, tôi cũng nhiều lần đưa tiền cho L như vậy, có khi vài trăm, có khi vài tỷ, L đều nói là đưa tiền cho chị họ mua đất lấy lời, L sẽ tính lãi cho tôi. Những lần đó, L cũng đưa tiền lại cho tôi rất nhanh cả tiền gốc và lãi, L nói là tiền lời do chị họ mua bán đất mà có. Tuy nhiên đến thời điểm tôi cho L vay 5,7 tỷ đồng thì L trả tiền tôi rất lâu, L nói chưa bán được đất. hiện L còn nợ tôi 9 tỷ” (bl 997)*

[2.4] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2021, chị Lê Thị Ngọc A khai: “*Vào khoảng tháng 8/2019, bà L gọi điện thoại cho tôi và nói bà đang mua đất ở TP Nha Trang, tỉnh K Hòa, nhưng còn thiếu tiền nên bà hỏi tôi có tiền nhàn rồi không cho bà mượn số tiền 300.000.000 đồng, tôi nghe vậy nên đồng ý cho bà L mượn. Sau đó, khoảng 10 ngày thì bà L chuyển trả cho tôi. Sau đó, bà L nhiều lần đặt vấn đề mượn tiền của tôi, khi mượn của tôi là L đưa ra nhiều lý do như: đầu tư mua tàu cá, đáo hạn ngân hàng cho anh trai, cho mấy anh em cơ quan anh M chồng chị L, cho cố bé Linh con gái đang học, cho cha của bạn thân anh M...Tôi nghe bà L nói như vậy, tôi tin tưởng nên từ tháng 8/2019 đến khoảng tháng 9/2020 tôi đã nhiều lần chuyển tiền, nộp tiền mặt tại ngân hàng cho bà L mượn. Có vài lần tôi đưa tiền mặt trực tiếp cho bà L mượn. Do quá nhiều lần tôi đưa tiền cho bà L mượn nên tôi không nhớ cụ thể số lần và số tiền từng lần đưa bà L. Trong thời gian này bà L cũng nhiều lần trả tiền cho tôi nhưng bà L không chuyển trả đủ số tiền tôi đưa bà L mượn. Hiện nay, bà L còn nợ tôi số tiền 3.700.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm triệu đồng.)....đến tháng 10/2020, tôi nghe tin bà L bỏ trốn, tôi liên lạc cho bà L nhưng không được, kể từ thời điểm đó đến nay tôi suy sụp tinh thần hiện nay tôi đang bị bệnh nặng nên tôi chưa làm đơn tố cáo bà L” (bl 979)*

[2.5] Như vậy, lời khai của chị Lê Thị Ngọc A, chị Phạm Thị Thúy T và bị cáo L khai có nội dung thống nhất với nhau, thể hiện do nợ tiền bị cáo đã vay tiền của chị T để trả cho chị Ngọc A, Thúy T và sau đó lại vay tiền của chị Ngọc A, Thúy T để trả

cho chị T. Vì vậy, khoản tiền bị cáo chiếm đoạt của chị T đã chuyển sang cho chị Ngọc A, chị Thúy T là giao dịch dân sự hợp pháp, các chị nhận tiền ngay tình (trả nợ), các chị cũng không biết số tiền này do bị cáo phạm tội mà có, cũng không phải đồng phạm của bị cáo trong việc rửa tiền, tẩu tán tài sản. Hơn nữa, tiền là loại tài sản đặc biệt, không có những đặc tính để phân biệt, mà được hòa trộn ngay khi chị Ngọc A, Thúy T nhận được và sử dụng nên không thể xác định làm vật chứng trong vụ án hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt của chị T số tiền 22.844.711.000 đồng và buộc Nguyễn Thị Mỹ L phải trả lại cho chị T số tiền này là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của chị T cho rằng vợ chồng Nguyễn Thị Mỹ L, Huỳnh Ngọc M chuyển nhượng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.431m², địa chỉ: phường Phổ Quan, thị xã Đ cho ông Nguyễn Tăng H vào ngày 01/10/2020; thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 40, diện tích 439,5m², địa chỉ: xã P, thị xã Đ cho bà Nguyễn Thị Kim Thùy vào ngày 11/11/2020; thế chấp thửa đất số 790, tờ bản đồ số 4, diện tích 202m², địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ vào ngày 05/8/2019 là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, thấy: Việc xem xét các hợp đồng chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hình sự nên các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ngãi không xem xét là có căn cứ. Chị T có quyền khởi kiện vụ án dân sự đề nghị hủy những hợp đồng chuyển nhượng, thế chấp nêu trên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Theo tài liệu trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì anh Huỳnh Ngọc M không biết việc bị cáo vay tiền của chị T, quá trình anh M đồng ý chuyển nhượng, thế chấp những thửa đất trên thì những thửa đất này không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấm chuyển nhượng. Vì vậy, không có cơ sở để kết luận anh M đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L trong việc vay tiền chị T và chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm tẩu tán tài sản.

[4]. Với những nhận định nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Thanh T.

[5]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Huỳnh Thị Thanh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 17 (mười bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 30/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu trách nhiệm trả lại cho chị Huỳnh Thị Thanh T số tiền 22.844.711.000 đồng (hai mươi hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như: trách nhiệm dân sự đối với bà Nguyễn Thị Mộng Q, Trần Thị Kim C, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đình Phước Hòa